

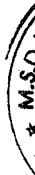


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3889954
- Fax: (0236) 3889957
- Website: www.iseebooks.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 65 người, trong đó cán bộ quản lý là 9 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Đặng Thanh Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |
| • Ông Ông Thừa Phú | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/03/2022 |
| • Ông Nguyễn Lê Văn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022 |
| • Ông Huỳnh Ngọc Bảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 24/03/2023 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

• Ông Trần Công Thanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Huỳnh Thanh Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Phạm Minh Nhật	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017
• Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2020
• Ông Nguyễn Duy Nhâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2022
• Bà Lê Ngọc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017

Kiểm toán độc lập

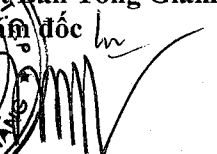
Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

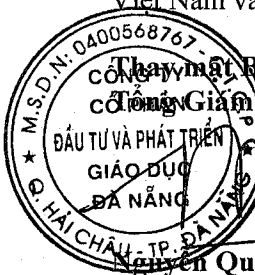
Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

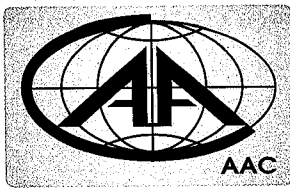
- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 218/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 10/03/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

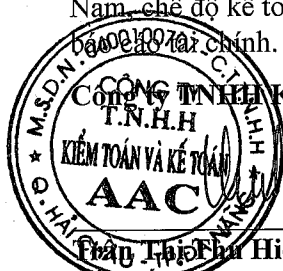
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Nhật Oanh – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4031-2022-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

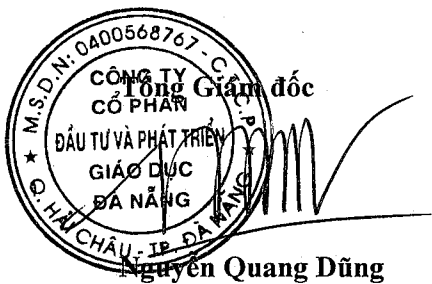
Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139.846.226.690	141.313.121.479
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	68.203.733.540	53.762.116.091
1. Tiền	111		2.203.733.540	6.662.116.091
2. Các khoản tương đương tiền	112		66.000.000.000	47.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.083.600.000	19.116.600.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	4.237.145.000	4.237.145.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(153.545.000)	(120.545.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.883.078.722	39.384.681.573
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	31.306.147.283	37.416.694.825
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.430.270.604	1.285.669.504
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.138.239.602	1.912.380.881
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(991.578.767)	(1.230.063.637)
IV. Hàng tồn kho	140	11	21.697.129.493	27.107.143.181
1. Hàng tồn kho	141		35.279.601.212	39.741.287.598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.582.471.719)	(12.634.144.417)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		978.684.935	1.942.580.634
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	978.684.935	1.942.580.634
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.394.182.594	25.089.800.870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.305.939.826	18.053.854.186
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	8.476.775.826	10.177.338.186
- Nguyên giá	222		22.202.999.597	22.202.999.597
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.726.223.771)	(12.025.661.411)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	7.829.164.000	7.876.516.000
- Nguyên giá	228		8.164.999.000	8.164.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(335.835.000)	(288.483.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.799.500.000	6.799.500.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6b	5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	1.350.000.000	1.350.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		288.742.768	236.446.684
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	288.742.768	236.446.684
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		163.240.409.284	166.402.922.349

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.954.762.265	68.349.328.053
I. Nợ ngắn hạn	310		65.954.762.265	68.349.328.053
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15a	26.234.871.552	28.329.346.481
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	1.458.588.466	565.406.489
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.083.585.915	1.583.113.583
4. Phải trả người lao động	314		5.315.436.907	6.679.945.513
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	30.914.155.160	30.260.971.870
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	17.839.650	25.940.869
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		930.284.615	904.603.248
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.285.647.019	98.053.594.296
I. Vốn chủ sở hữu	410		97.285.647.019	98.053.594.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	21	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	10.499.596.414	9.929.566.232
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	39.693.411.572	41.031.389.031
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.712.989.031	31.150.231.840
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.980.422.541	9.881.157.191
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		163.240.409.284	166.402.922.349



Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	515.447.587.688	472.121.629.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	15.441.715.752	32.311.744.546
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		500.005.871.936	439.809.884.461
4. Giá vốn hàng bán	11	24	421.213.417.768	358.569.079.061
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		78.792.454.168	81.240.805.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.568.482.727	2.668.073.202
7. Chi phí tài chính	22	26	1.293.849.627	1.473.351.352
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		440.180.450	374.976.134
8. Chi phí bán hàng	25	27	45.033.499.096	40.149.696.145
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	21.419.712.497	24.127.564.351
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.613.875.675	18.158.266.754
11. Thu nhập khác	31	29	3.150.350	365.055.001
12. Chi phí khác	32	30	105.129.498	-
13. Lợi nhuận khác	40		(101.979.148)	365.055.001
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.511.896.527	18.523.321.755
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	4.111.292.898	4.407.382.912
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.400.603.629	14.115.938.843
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.835	2.272
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.835	2.272



Phòng Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

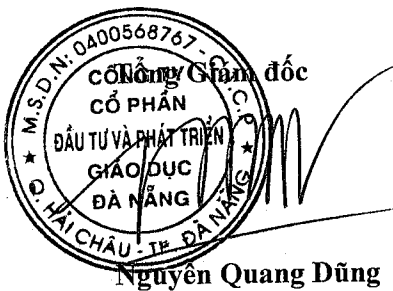
Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		422.904.750.207	408.560.464.659
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(372.785.397.591)	(368.910.657.627)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.783.258.977)	(16.672.869.123)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	18,26	(440.180.450)	(374.976.134)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(4.292.776.680)	(4.662.043.875)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		830.634.632	629.972.829
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.637.170.258)	(9.960.887.101)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.796.600.883	8.609.003.628
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(646.612.066)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	365.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6b	(12.000.000.000)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6b	15.000.000.000	11.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	1.963.416.566	2.513.242.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.963.416.566	(1.768.369.736)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21e	(9.318.400.000)	(6.988.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.318.400.000)	(6.988.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		14.441.617.449	(148.166.108)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	53.762.116.091	53.910.282.199
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	68.203.733.540	53.762.116.091



Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Lê Ngọc

Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.
-

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2024 Công ty có hai Công ty liên kết là:

- Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Website	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ.

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến các khoản lãi vay phải trả, các khoản hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là các khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh tại Công ty là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính của Công ty gồm: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%. Từ 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, các sản phẩm này được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% theo quy định tại Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 và Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/06/2024 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
 - Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	285.584.525	171.929.777
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.918.149.015	6.490.186.314
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	66.000.000.000	47.100.000.000
Cộng	68.203.733.540	53.762.116.091

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết (*)						
- Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM (STC)	408.545.000	255.000.000	153.545.000	408.545.000	288.000.000	120.545.000
- Công ty CP Sách GD tại TP Đà Nẵng (DAE)	3.828.600.000	5.258.250.000	-	3.828.600.000	4.428.000.000	-
Cộng	4.237.145.000	5.513.250.000	153.545.000	4.237.145.000	4.716.000.000	120.545.000

(*) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024			01/01/2024		
	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000	-		5.449.500.000	-
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (1)	20%	2.530.000.000	-		2.530.000.000	-
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB) (2)	25,92%	2.919.500.000	-	2.306.405.000	2.919.500.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác		1.350.000.000	-		1.350.000.000	-
- Công ty CP DV Xuất bản GD Đà Nẵng (3)	8,76%	350.000.000	-		350.000.000	-
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMNV) (4)	2,27%	1.000.000.000	-	1.400.000.000	1.000.000.000	-
Cộng		6.799.500.000	-		6.799.500.000	-

Tất cả các Công ty nhận đầu tư đều không có lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

(1), (3) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2024. Do đó, Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn này.

(2), (4) Cổ phiếu của các công ty này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo đó, giá trị hợp lý của cổ phiếu này được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

7. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	4.574.341.299	2.459.565.747
Công ty CP Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	9.465.543.864	11.564.281.169
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Phú Yên	4.256.662.122	3.343.911.240
Các đối tượng khác	13.009.599.998	20.048.936.669
Cộng	31.306.147.283	37.416.694.825

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	2.958.866.393	4.014.276.250
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	292.454.775	17.492.345

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH TM và DV P.C.C.C Nguyễn Nam Hải	869.096.632	869.096.632
Các đối tượng khác	561.173.972	416.572.872
Cộng	1.430.270.604	1.285.669.504

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	884.784.807	-	879.613.852	-
Phải thu khác	253.454.795	-	1.032.767.029	-
- Lãi dự thu	253.454.795	-	434.161.644	-
- Các khoản khác	-	-	598.605.385	-
Cộng	1.138.239.602	-	1.912.380.881	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2024	Năm 2023
Số dư đầu năm	1.230.063.637	1.275.700.678
Trích lập trong năm	77.464.784	2.023.819
Hoàn nhập trong năm	315.949.654	47.660.860
Số dư cuối năm	991.578.767	1.230.063.637

Nợ xấu:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH Quảng cáo - Tổ chức sự kiện Liên Lục Địa	-	-	13.363.080	9.354.156
Nhà sách Ánh Phương	-	-	12.990.080	6.495.040
Nhà sách Việt Lý	-	-	207.896.552	-
Công ty CP Gia Lai CTC	121.138.111	-	121.138.111	-
Công ty TNHH MTV TM và DV Sách-TB Thành Phát	271.850.175	-	271.850.175	-
Công ty CP Thiết bị Giáo dục Vạn Nhật Tường	116.828.262	58.414.131	196.828.262	137.779.783
Các đối tượng khác	587.937.522	47.761.172	559.626.356	-
Cộng	1.097.754.070	106.175.303	1.383.692.616	153.628.979

11. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.577.882.610	-	4.225.800.416	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.836.332.624	-	12.606.273.370	-
Thành phẩm	6.900.482.945	4.712.073.315	6.755.833.347	5.016.463.577
Hàng hóa	19.964.903.033	8.870.398.404	16.153.380.465	7.617.680.840
Cộng	35.279.601.212	13.582.471.719	39.741.287.598	12.634.144.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	978.684.935	1.781.404.075
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	161.176.559
Cộng	978.684.935	1.942.580.634

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Hòa Cầm (*)	167.242.768	236.446.684
Phí dịch vụ Cloud server	121.500.000	-
Cộng	288.742.768	236.446.684

(*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	15.653.606.733	5.877.228.182	672.164.682	22.202.999.597
Mua sắm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	15.653.606.733	5.877.228.182	672.164.682	22.202.999.597
Khấu hao				
Số đầu năm	8.584.457.320	2.789.987.408	651.216.683	12.025.661.411
Khấu hao	754.076.360	932.518.000	13.968.000	1.700.562.360
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	9.338.533.680	3.722.505.408	665.184.683	13.726.223.771
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.069.149.413	3.087.240.774	20.947.999	10.177.338.186
Số cuối năm	6.315.073.053	2.154.722.774	6.979.999	8.476.775.826

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.771.918.724 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.799.999.000	365.000.000	8.164.999.000
Mua sắm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	7.799.999.000	365.000.000	8.164.999.000
Khấu hao			
Số đầu năm	-	288.483.000	288.483.000
Khấu hao	-	47.352.000	47.352.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	-	335.835.000	335.835.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.799.999.000	76.517.000	7.876.516.000
Số cuối năm	7.799.999.000	29.165.000	7.829.164.000

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 315.000.000 đồng.

15. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	18.468.707.285	22.584.017.348
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	3.627.492.634	2.388.199.446
Các đối tượng khác	4.138.671.633	3.357.129.687
Cộng	26.234.871.552	28.329.346.481

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	49.090.909	106.300.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	18.468.707.285	22.584.017.348
Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	1.463.819.145	566.495.743
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	3.627.492.634	2.388.199.446
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	126.021.050	53.046.860
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	23.368.840	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	398.299.500	221.745.500
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	138.871.800	230.889.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Crown Worldwide	316.800.000	316.800.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (bên liên quan)	920.548.490	-
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Lam Đạt	183.540.990	146.526.825
Các đối tượng khác	37.698.986	102.079.664
Cộng	1.458.588.466	565.406.489

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	202.662.406	896.314.597	1.005.968.727	93.008.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp	674.627.091	4.111.292.898	4.292.776.680	493.143.309
Thuế thu nhập cá nhân	705.824.086	1.436.036.296	1.644.426.052	497.434.330
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.583.113.583	6.446.643.791	6.946.171.459	1.083.585.915

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Phí quản lý xuất bản, tổ chức bản thảo, bản quyền phải trả Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (bên liên quan)	30.914.155.160	30.260.971.870
Cộng	30.914.155.160	30.260.971.870

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho chủ sở hữu	320.000	320.000
Phải trả khác	17.519.650	25.620.869
Cộng	17.839.650	25.940.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	-	85.107.954.225	85.107.954.225	-
Cộng	-	85.107.954.225	85.107.954.225	-

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	50.000.000.000	(2.907.360.967)	9.223.769.290	38.139.031.840
Tăng trong năm	-	-	705.796.942	14.115.938.843
Giảm trong năm	-	-	-	11.223.581.652
Số dư tại 31/12/2023	50.000.000.000	(2.907.360.967)	9.929.566.232	41.031.389.031
Số dư tại 01/01/2024	50.000.000.000	(2.907.360.967)	9.929.566.232	41.031.389.031
Tăng trong năm	-	-	570.030.182	11.400.603.629
Giảm trong năm	-	-	-	12.738.581.088
Số dư tại 31/12/2024	50.000.000.000	(2.907.360.967)	10.499.596.414	39.693.411.572

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	340.800	340.800
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	41.031.389.031	38.139.031.840
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	11.400.603.629	14.115.938.843
Phân phối lợi nhuận (*)	12.738.581.088	11.223.581.652
Phân phối lợi nhuận năm trước	9.318.400.000	6.988.800.000
- Chia cổ tức cho các cổ đông	9.318.400.000	6.988.800.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	3.420.181.088	4.234.781.652
- Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	570.030.182	705.796.942
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.280.120.724	2.823.187.768
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (5%)	570.030.182	705.796.942
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	39.693.411.572	41.031.389.031

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 16/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024.

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 16/NQ-DEIDCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng: 6.988.800.000 đồng) và chi bổ sung cổ tức 5%/vốn điều lệ (tương ứng: 2.329.600.000 đồng) từ lợi nhuận còn lại của các năm trước. Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào các ngày 08/01/2024, 28/05/2024 và đã chi trả cổ tức trong năm.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng doanh thu	515.447.587.688	472.121.629.007
+ Doanh thu sách bổ trợ, sách giáo khoa	490.824.103.432	447.211.134.624
+ Doanh thu sách tham khảo	16.946.366.406	15.926.156.879
+ Doanh thu hoạt động khác	7.677.117.850	8.984.337.504
Cộng	515.447.587.688	472.121.629.007

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Hàng bán bị trả lại	15.441.715.752	32.311.744.546
+ Hàng bán bị trả lại sách bổ trợ, sách giáo khoa	15.005.675.685	30.592.530.115
+ Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	392.740.200	1.655.505.046
+ Hàng bán bị trả lại khác	43.299.867	63.709.385
Cộng	15.441.715.752	32.311.744.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn hàng bán	420.265.090.466	368.870.302.484
+ Giá vốn sách bổ trợ, sách giáo khoa	401.340.405.147	352.428.601.017
+ Giá vốn sách tham khảo	12.983.942.111	10.023.270.495
+ Giá vốn hoạt động khác	5.940.743.208	6.418.430.972
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	948.327.302	(10.301.223.423)
Cộng	421.213.417.768	358.569.079.061

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	767.649.717	1.968.123.202
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.785.773.010	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.015.060.000	699.950.000
Cộng	4.568.482.727	2.668.073.202

26. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	440.180.450	374.976.134
Chiết khấu thanh toán nhanh	698.585.887	1.134.375.218
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	33.000.000	(36.000.000)
Chi phí tài chính khác	122.083.290	-
Cộng	1.293.849.627	1.473.351.352

27. Chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	10.183.607.393	8.207.150.078
Chi phí nhân viên bán hàng	9.993.133.257	9.975.702.171
Các khoản khác	24.856.758.446	21.966.843.896
- Chi phí khấu hao	351.379.360	452.100.002
- Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	9.596.466.774	6.869.133.658
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo, giới thiệu sách, tập huấn,...	12.587.286.993	12.906.594.282
- Chi phí khác	2.321.625.319	1.739.015.954
Cộng	45.033.499.096	40.149.696.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	3.549.503.877	5.009.659.238
Chi phí nhân viên quản lý	9.993.514.645	9.976.743.875
Các khoản khác	7.876.693.975	9.141.161.238
- Chi phí khấu hao	1.396.535.000	1.395.279.000
- (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(238.484.870)	(45.637.041)
- Chi phí khác	6.718.643.845	7.791.519.279
Cộng	21.419.712.497	24.127.564.351

29. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	365.000.000
Các khoản khác	3.150.350	55.001
Cộng	3.150.350	365.055.001

30. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Truy thu, nộp phạt thuế	105.128.707	-
Các khoản khác	791	-
Cộng	105.129.498	-

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.511.896.527	18.523.321.755
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	4.531.407.551	3.513.592.805
Điều chỉnh tăng	5.546.467.551	4.213.542.805
- Chi phí nộp phạt hành chính, thuế truy thu	105.128.707	-
- Chi phí không hợp lệ	5.441.338.844	4.213.542.805
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	1.015.060.000	699.950.000
Tổng thu nhập chịu thuế	20.043.304.078	22.036.914.560
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.111.292.898	4.407.382.912
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	4.008.660.816	4.407.382.912
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	102.632.082	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.400.603.629	14.115.938.843
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.850.150.906)	(3.528.984.710)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)	2.850.150.906	3.528.984.710
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.550.452.723	10.586.954.133
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.835	2.272

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.175.520.483	18.170.752.593
Chi phí nhân công	19.986.647.902	19.952.446.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.747.914.360	1.847.379.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.715.823.291	64.739.592.446
Chi phí khác bằng tiền	30.835.676.442	29.954.795.775
Cộng	142.461.582.478	134.664.965.862

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là các tỉnh Miền Trung, Việt Nam.

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được, ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu và thuê in gia công từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc biến động giá đầu vào. Nhà cung cấp là Nhà Xuất bản Giáo dục và các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng truyền thống của Công ty chủ yếu là các công ty Sách và Thiết bị tại các tỉnh, phát sinh giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán kịp thời nên Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với nhóm khách hàng này. Đối với nhóm khách hàng đại lý, hiện nay tồn tại một số khoản nợ đã quá hạn thanh toán, Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tăng cường các biện pháp thu hồi nợ và trích lập dự phòng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty rủi ro tín dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

Rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	26.234.871.552	-	26.234.871.552
Chi phí phải trả	30.914.155.160	-	30.914.155.160
Phải trả khác	17.839.650	-	17.839.650
Cộng	57.166.866.362	-	57.166.866.362
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	28.329.346.481	-	28.329.346.481
Chi phí phải trả	30.260.971.870	-	30.260.971.870
Phải trả khác	15.455.741	-	15.455.741
Cộng	58.605.774.092	-	58.605.774.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.203.733.540	-	68.203.733.540
Đầu tư tài chính	16.083.600.000	1.350.000.000	17.433.600.000
Phải thu khách hàng	30.314.568.516	-	30.314.568.516
Phải thu khác	253.454.795	-	253.454.795
Cộng	114.855.356.851	1.350.000.000	116.205.356.851

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.762.116.091	-	53.762.116.091
Đầu tư tài chính	19.116.600.000	1.350.000.000	20.466.600.000
Phải thu khách hàng	36.186.631.188	-	36.186.631.188
Phải thu khác	1.032.767.029	-	1.032.767.029
Cộng	110.098.114.308	1.350.000.000	111.448.114.308

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Công ty liên kết
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Mua hàng	Năm 2024	Năm 2023
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	274.982.787.855	238.624.445.448
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	3.744.277.661	5.467.372.846
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	150.000.000	1.169.695.248
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	1.444.326.614	2.318.014.743
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	672.903.300	2.151.174.736
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	302.063.580	376.027.579
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	5.609.833.900	3.837.278.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	37.786.367.471	30.949.768.439
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	11.469.894.569	11.351.017.244
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	56.435.730	56.435.730
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	1.038.729.275	-

Bán hàng	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	9.209.761.877	7.507.052.070
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	2.918.237	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	29.550.345.801	32.404.530.152
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	357.164.760	514.086.248
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	999.189.716	105.145.267
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.672.356.497	815.226.370
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.589.350.285	1.417.568.307
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	898.222.015	1.050.563.902

c. Thù lao và lương của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2024	Năm 2023
Thù lao Hội đồng quản trị	156.000.000	156.000.000
Ông Đặng Thanh Hải Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Dũng Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Ông Thừa Phú Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Lê Văn Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Huỳnh Ngọc Bảo Thành viên từ ngày 24/03/2023	24.000.000	18.000.000
Bà Lê Ngọc Thành viên đến ngày 24/03/2023	-	6.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	2.847.929.248	2.565.342.870

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

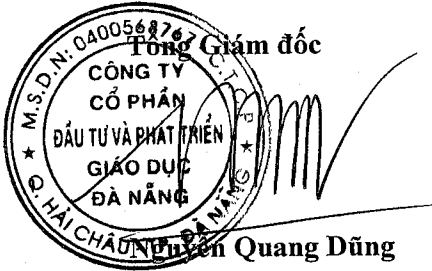
Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.



Kế toán trưởng

Lê Ngọc

Người lập biểu

Lê Thị Diệu Hiền

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2025